

生活作息

shēng huó zuò xī



读一读，



连一连。

Baca dan gariskan.



刷牙

shuā yá

起床

qǐ chuáng

洗澡

xǐ zǎo

上学

shàng xué

睡觉

shuì jiào

吃饭

chī fàn